TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 18-11- 2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Quách Thị Anh Thơ

2. Ông Trần Đăng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 320/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B1, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Hiện anh B đang chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam số 5, cục C10 - Bộ Công An).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu B kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B cũ (nay là xã H), huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 27-11-2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 02 năm 2006 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng không khắc phục được, đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về nuôi con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 02-9-2001. Hiện cháu L đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh B.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21 -10-2022, bị đơn anh Nguyễn Hữu B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 27-11-2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 02 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 02-9-2001. Hiện cháu L đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang chấp hành án tại Trại giam số 5 - Bộ Công An nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử ly hôn được nên đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng; Chị L và anh B đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân

sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu B; về nuôi con chung: không giải quyết; Về tài sản chung: không giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hữu B, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và quan hệ tranh chấp là " Tranh chấp về ly hôn".

[2] Về tố tụng: Hiện nay anh B đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5 - Bộ Công An, anh B xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử; chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa chị L và anh B và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L kết hôn với anh Nguyễn Hữu B tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Lăng cũ (nay là xã H), huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 27-11-2000, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sông và đã sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L có đơn xin ly hôn, anh B nhất trí ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị L và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 02-9-2001. Hiện con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Chị L và anh B đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Hữu B.

2.Về nuôi con chung: Không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005843, ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm(chị L đã nộp đủ).

5.Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Hữu B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy